

日本語・ベトナム語・ネパール語・フィリピン語・韓国語

ごみの出し方 ガイドブック

Sách hướng dẫn cách vứt rác
फोहोर व्यवस्थापन तरकिं गाइडबुक
Paraan ng Pagtatapon ng Basura Guidebook
쓰레기 분리배출 가이드북

しず おか し あおい く する が く
静岡市葵区(安倍6地区を除く) • 駿河区

Quận Aoi (trừ 6 khu vực Abe) và quận Suruga của thành phố Shizuoka
শজিওকা নগর আওই বার্ড (আবে ৬ জলিলা বাহেক) • সুরুগা বার্ড
Shizuoka City Aoi Ward (hindi kasama ang Abe 6 district) / Suruga Ward
시즈오카시 아오이구 (아베 6지구 제외) • 스루가구

- ごみ分別アプリ配信中！●ごみの出し方や分別方法、静岡市からの最新のお知らせなどを確認できます。
- ダウンロードはこちらの二次元コードから行ってください。

●Ứng dụng phân loại rác đang được phát hành! ●Bạn có thể xác nhận cách vứt rác, phương pháp phân loại rác và thông báo mới nhất, v.v... từ thành phố Shizuoka. ●Vui lòng quét mã QR tại đây để tải xuống.

●फोहोर छुट्टयाउने एप अब उपलब्ध छ! ●फोहोर व्यवस्थापन तरकिं तथा फोहोर छुट्टयाउने विधि शজিওকা নগরকো নয়ে সূচনা লাগাএক জানকারীহু থাহা পাউন্সে সক্রিয়। ●কৃপ্যা যো QR কোড প্রযোগ গরে ডাউনলোড গ্রহণহোস।

●Available na ang app sa paghihiwalay ng basura! ●Maaari mong suriin ang paraan ng pagtatapon ng basura, paraan ng paghihiwalay nito, at ang mga pinakabagong impormasyon mula sa Shizuoka City, at iba pa. ●Mangyaring i-download mula sa QR code na ito.

- 쓰레기 분리수거 앱 다운로드 가능!
- 쓰레기 분리수거, 배출 방법 등 시즈오카시의 최신 정보를 확인할 수 있습니다.
- 이 QR코드로 다운로드할 수 있습니다.



ごみについての問い合わせ先 (日本語のわかる方を通じて問い合わせてください)



しず おか し やく しょ しゅう しゅう ぎょう む か
静岡市役所 収集業務課 ☎ 054-221-1365
沼上収集センター ☎ 054-264-1900

■Nơi liên hệ về rác (Vui lòng liên hệ qua người biết tiếng Nhật)
Ban Nghiệp vụ thu gom rác của trung tâm hành chính thành phố Shizuoka / TEL:054-221-1365
Trung tâm thu gom Numakami / TEL:054-264-1900

■फोहोर सम्बन्धी सोधपुछको लागासिमपरक (कृपया जापानी भाषा बुझ्ने व्यक्तिभारक सोधपुछ ग्रहणहोस)
শজিওকা নগরপালিকা সড়কলন ডভিজিন / TEL:054-221-1365
নুমাকামি সড়কলন কেন্দ্র / TEL:054-264-1900

■Para sa mga katanungan tungkol sa basura (Mangyaring makipag-ugnayan sa isang taong marunong magsalita ng Japanese)
Shizuoka City Hall Collection Operations Division / TEL:054-221-1365
Numagami Collection Center / TEL:054-264-1900

■쓰레기 관련 문의처(일본어를 아는 사람을 통해 문의해 주십시오)
시즈오카시청 수거업무과 / TEL:054-221-1365
누마가미 수거 센터 / TEL:054-264-1900

ごみの出し方

Cách vứt rác फोहोर व्यवस्थापन तरकी Paraan ng pagtatapon ng basura 쓰레기 분리배출



ごみは分別して決められた日の朝8時30分までに決められた場所に出してください。

Vui lòng phân loại rác và vứt rác đúng nơi quy định trước 8:30 sáng ngày quy định.

कृपया फोहोर छुट्ट्याएर तोकिएको दिनमा बहिन 8:30 बजे भतिर तोकिएको ठाउँमा फालनुहोस।

Mangyaring paghiwalayin ang inyong mga basura at itapon ito sa itinalagang lokasyon hanggang 8:30 a.m. sa itinakdang araw.

쓰레기는 분리하여 정해진 날 아침 8시 30분까지 지정된 장소에 배출해 주십시오.

ごみは、市指定・認定の半透明袋に入れ、口をしばって出してください。

Vui lòng cho rác vào túi trong mờ được thành phố chỉ định/chứng nhận và buộc chặt miệng túi rồi mới vứt.

कृपया फोहोरलाई नगरले तोकेको र प्रमाणित गरेको अर्थ-पारदर्शी झोलामा हालेर माथि बाँध सिकेपछि भात्र फालनुहोस।

Ilagay ang basura sa isang itinalagang translucent na plastic bag ng lungsod at isara ang bag bago ito itapon.

쓰레기는 시 지정·인정 반투명 봉투에 넣어 입구를 둘어 배출해 주십시오.

このマークが
目印

Ký hiệu này là dấu hiệu nhận biết
यो चनिह ल्यानडमारक
Ang markang ito ay isang palatandaan.
이 마크가 있는 것

週2回

2 lần/tuần
Dalawang beses kada linggo
한주 2회

可燃ごみ

Rác đốt được / जलाउन मिल्ने फोहोर / Nasusunog na basura / 가연 쓰레기

生ごみ

Rác nhà bếp

खानाबाट नसिकिएका फोहोर



※よく水切りをして出してください。

※Vui lòng để ráo nước rồi mới vứt.

※कृपया राम्रोसंग पानी नकारेर सुख्खा गरेपछि फालनुहोस।

※Pakitanggal ng Mabuti ang tubig bago itapon.

※물기를 제거한 후 배출해 주십시오.

プラスチック類 (ポリバケツ、CD、DVD、シャンプー等の容器)

Các loại nhựa

(Xô nhựa, CD, DVD, chai đựng dầu gội, v.v...)

प्लास्टिकिका परकार

(पोलिस्ट्रिक बालटनि, सीडी, डीभीडी, श्याम्पु लगाएका कैटेनर)

Mga uri ng plastik

(Mga plastik na balde, lalagyan para sa mga CD, DVD, shampoo, atbp.)

플라스틱류

(폴리에틸렌 양동이, CD, DVD, 샴푸 등의 용기)



リサイクルできない紙類 (感熱紙、和紙、汚れの付着したもの等)

Các loại giấy không thể tái chế

(Giấy cảm nhiệt, giấy washi, giấy bị bẩn, v.v...)

रसाइकलिंग गर्न नसकिने कागज

(थर्मल पेपर, जापानी पेपर, फोहोर लागेका वस्तुहरू आदि)

Papel na hindi maaring i-recycle

(Mga thermal paper, papel na may dumi, atbp.)

재활용이 불가능한 종이류

(감열지, 일본 종이, 이물질이 부착된 종이 등)



ぬいぐるみ、衣類

Thú nhồi bông, các loại vải

आकर्षक खेलाना, लुगाफाटा

Mga stuffed toy, damit

봉제인형, 의류



皮革製品 (バッグ、くつ、ランドセルなど)

Sản phẩm bằng da

(Túi xách, giày dép, ba lô, v.v...)

छालाका उत्पादनि सामानहरू

(झाला, जूता, बचचाका बयान आदि)

Mga produk tong gawa sa balat

(Mga bag, sapatos, ransosero (school bag), atbp.)

가죽 제품 (가방, 구두, 랜드셀 등)



ゴム製品 (ホース、手袋、輪ゴムなど)

Sản phẩm bằng cao su

(Ống nước, găng tay, dây chun, v.v...)

रबरका उत्पादनि सामानहरू

(पाइप, पनजा, रबर बयान आदि)

Mga produk tong gawa sa goma

(Mga hose, guwantes, rubber band, atbp.)

고무 제품 (호스, 고무장갑, 고무줄 등)



ござ、むしろ類

Chiếu goza, các loại chiếu rrom

मेटरेस लगाएत उस्तै आू सामानहरू

Mga uri ng straw mat, floor covering

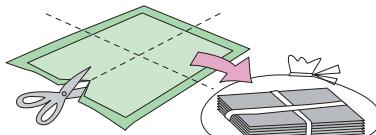
돗자리·평석 종류



じゅうたん、カーペット

Thảm, thảm trải sàn / गलैचा

Carpet / 융단, 카펫



※1m以内に切るかたたむ

(1mを超えるものは不燃・粗大ごみへ)

※Cắt hoặc gấp lại thành mảnh có chiều dài không quá 1m
(Nếu dài hơn 1m, hãy vứt vào rác không đốt được hoặc rác công nghiệp)

※1 मटिर भतिर काटने वा फोलड गर्ने

(१ मटिरभन्दा माथिको कुनै पनि सामानलाई जलाउन नसकिन र ढुलो फोहोरका रूपमा बरीकृत गर्नि।)

※Gupitin o tiklupin ng 1m o mas maikli.

(Ang mga bagay na higit sa 1m ay dapat ilagay sa hindis nasusunog/malalaking basura.)

※1m 이내로 자르거나 접는다

(1m가 넘는 것은 불연·대형 쓰레기)

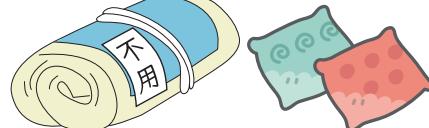
布団類、クッション

Các loại chăn nệm, đệm

ओछानका प्रकार, कुसन

Mga uri ng futon, mga unan

이불류·쿠션



※しばって出してください。

袋に入るもののは極力袋に入れて出してください。

※Vui lòng buộc chặt rồi mới vứt.

Những vật có thể cho vào túi thì hãy cho vào túi nhiều nhất rồi mới vứt.

※कृपया बाँधेकरा फालनुहोस।

झोलामा राखदा खरेसिकेसम्म मलिने गरज्ञोलामा राखेका फालनुहोस।

※Pakibigkis bago itapon.

Ilagay ang lahat ng maaaring ilagay sa isang plastic bag.

※묶어서 배출해 주십시오.

봉투에 들어가는 것은 최대한 넣어서 배출해 주십시오.

庭木、植木など

Cây cảnh, cây trồng, v.v... / बगैचा का रुखहरू बरिवाहरू आदि

Mga puno sa hardin, halaman, atbp. / 정원수, 분재 등



※木の幹や枝葉は長さ1m以内、太さ直径20cm以内にして必ずしばるか、袋に入れてください。

1回に10袋、10束以内。土は極力ふるい落としてください。

※Trân cây và cành cây phải được cắt thành đoạn không dài quá 1m, đường kính không quá 20cm và phải buộc chặt hoặc cho vào túi. Mỗi lần vứt tối đa 10 túi hoặc 10 bó. Hãy loại bỏ đất nhiều nhất có thể.

※रुखका हाँगा, हाँगा र पातहरू १ मटिर लम्बाइ र २० सेन्टमिटर व्यास भतिर राखनु पर्छ र बाँध्ने अनन्त झोलामा राखनुहोस। एक पटकमा १० वटा झोला, १० बन्डलसम्म। सकेसम्म सबै माटो नकालनुहोस।

※Gawing 1m pababa ang haba ng mga puno, sanga, at dahon at 20cm ang lapad at itali o ilagay sa isang plastic bag.

10 plastic bag o mas mababa, o 10 talí lamang sa isang tapunan.

Mangyaring tanggalin ang anumang lupa hangga't maaari.

※나무의 줄기, 가지, 잎은 길이 1m 이내, 두께 지름 20cm 이내로 만들어, 반드시 묶거나 봉투에 넣어 주십시오.

1회에 봉투 10개, 10묶음 이내. 흙은 최대한 제거해 주십시오.

不燃・粗大ごみ

月1回

Rác không đốt được/rác công kẽnh / जलाउन नसकनि र दूलो फोहोर / Hindi nasusunog/malalaking basura / 불연·대형 쓰레기

不燃・粗大ごみの出し方

Cách vứt rác không đốt được/rác công kẽnh / जलाउन नसकनि र दूलो फोहोर वयवस्थापन तरकि Paraan ng pagtatapon ng hindi nasusunog at malalaking basura / 불연·대형 쓰레기 배출 방법

1 lần/tháng
Isang beses kada buwan
महिनामा एक प्रति
월 1회

●申し込みによる月1回の戸別収集～収集車が自宅に伺います～●1回に出せる量は7点までです。●指定袋に入るもののは、袋1つを1点と数えます。●製品やその材料によって分別収集しています。●収集日当日、朝8時30分までに申し込みの際に決定した場所に出してください。(近隣の迷惑・交通の妨げにならないようにごみを出してください。)

●Thu gom theo hộ gia đình 1 lần/tháng theo đơn đăng ký ~ Xe thu gom sẽ đến tận nhà bạn ~ ●Mỗi lần có thể vứt tối đa 7 món. ●Những vật dụng có thể cho vào túi quy định sẽ được tính 1 túi là 1 món. ●Rác được thu gom phân loại theo sản phẩm và chất liệu. ●Vui lòng vứt rác ở địa điểm đã được chỉ định khi đăng ký trước 8:30 sáng ngày thu gom. (Vui lòng vứt rác sau cho không gây ảnh hưởng đến giao thông và hàng xóm xung quanh.)

●आवेदन दरिएपछीपरविराम महिनामा एक पटक सङ्कलन गर्ने - सङ्कलन गर्ने गाडी तपाईंको घरमा आउनेछ। ●एक पटकमा ७ वटासम्मको मात्रामा वस्तुहरू फालन सक्नुहुन्छ। ●तोकिएका झोलामा राख्नेबाट परारेप्लाइरुड १ वटाको दरमा गणना गरिन्छ। ●उत्पादाति सामान तथा यसको सामग्री अनुसार फोहोर छुट्टाछुट्टे सङ्कलन गरिन्छ। सङ्कलन गर्ने दिन ●कृपया आवेदन दिवांग छनोट गर्नुभएको स्थानमा बहिन ८:३० बजे भरिरामा फालनुहोस। (कृपया फोहोरसे छमिकाको यातायातलाई बाधा नपूर्याउने कसिमिले फालनुहोस।)

●Door-to-door na koleksyon isang beses sa isang buwan sa pag-aaplay ~ Dарат ang sasakyang sa pagkolekta sa iyong tahanan ~ ●Hanggang 7 item lang ang maaaring itapon sa isang koleksyon. ●Ang mga bagay na kasya sa mga itinalagang plastic bag ay bibilangin bilang isang item. ●Ang basura ay hiniihiwa-hiwalay at kinokolekta base sa produkto at mga materyales nito. ●Itapon ang iyong basura sa itinalagang lokasyon na isinaad sa aplikasyon, bago ang 8:30 a.m. sa araw ng koleksyon. (Itapon ang basura ng hindi nakakasagabal sa trapiko sa kapitbahayan.)

● 신청자에 한해 월 1회 호별 수거~수거차가 자택으로 방문합니다~ ● 1회에 버릴 수 있는 양은 7개까지입니다. ● 지정된 봉투에 들어가는 것은 봉투 1개를 1개로 계산합니다. ● 제품이나 재료에 따라 분리해서 수거합니다. ● 수거일 당일 아침 8시 30분까지 신청할 때 결정한 장소에 배출해 주십시오. (근처에 폐를 끼치거나 교통에 방해가 되지 않도록 해 주십시오)

金属類

Đồ kim loại / धातुका परकार
Mga uri ng metal / 금속류

材料の金属含有率が60%以上を目安としています。

Tỷ lệ chứa thành phần kim loại trong vật liệu theo tiêu chuẩn là từ 60% trở lên.
सामग्रीको लक्षणि धातु सामग्री ६०% वा सेप्हनदा बढी अन्दाज गरिएको छ।
Ang pamantaryan ay 60% o higit pang porportion ni ngilamanan na metal ng materyales
재료의 금속 함유율을 60% 이상이 기준입니다.

オーブントースター

Lò nướng bánh
टोस्टर औवन
Oven toaster
오븐토스터



電子レンジ

Lò vi sóng
माइक्रोवेव औवन
Microwave oven
전자레인지



自転車

Xe đạp
साइकल
Bisikleta
자전거



金属製のロッカーや机

Tủ và bàn làm việc bằng kim loại
धातुका लाकर र डेस्कहरू
Metal locker at mesa
금속제 로커, 책상



ヘルスマーター

Cân sức khỏe
स्वास्थ्य मटरि
Health meter
체중계



アイロン

Bàn ủi
फ्लाम
Plantsa
다리미



パイプベッド (セミダブルサイズまで)

Giường ống (tối đa cỡ semi-double)
पाइप बेड (अध्य-दोहोरा आकार सम्म)
Pipe bed (hanggang semi-double size)
파이프 침대(세미더블 사이즈까지)



ストーブ・ファンヒーター

Lò sưởi, quat sưởi
स्टोर्ब र पेंबा हितरहरू
Stove fan heater
난로·팬히터



金属製の物干し竿やポール等

Sào phơi đồ, cột kim loại, v.v...
धातुका कंडा सुकाने वस्तु जसता खम्बाहरू आदी
Metal na sampayan, poste, atbp.,
금속제 빨래 건조봉 등



その他不燃・粗大ごみ

Rác không đốt được/rác công kẽnh khác

अन्य जलाउन नसकनि र दूलो फोहोर

Iba pang hindi nasusunog/malalaking basura

기타 불연·대형 쓰레기

瀬戸物類

Đồ gốm sứ
माटोको भौंडाका प्रकार
Chinaware
도자기류

かさ

Ô
छाता
Payong
우산



ガラス製品

Sản phẩm thủy tinh
सारिबाट उत्पादित सामान
Babasaging produkto
유리 제품

掃除機

Máy hút bụi
भयाक्युम क्लनिर
Vacuum cleaner
청소기



テーブル、たんすなど大型家具類

Đồ gia dụng cỡ lớn như bàn và tủ, v.v...
टेबल र ईररान जसता दूला फर्निचरका प्रकारहरू
Malaking kasangkapan tulad ng
mesa at aparador
테이블, 창문 등 대형 가구류



コップ、割れびん

Cốc, chai vaso
कप, फुटोंका बोतल
Tasa, basag na bote
컵, 깨진 병

炊飯器

Nồi cơm điện
राइस कुकर
Rice cooker
밥솥



電球

Bóng đèn
चमि
Bumbilya
전구



包丁、ナイフなどの刃物

Dao bếp, dao kéo cùi lưỡi cát, v.v...
चक्कु लागाएन अन्य बलेडोका वस्तुहरू
Mga matutulis na bagay tulad ng
kutsilyo at kutsilyo sa kusina, atbp.,
식칼, 나이프 등의 날붙이

扇風機

Quạt điện
बाँझुलीको पंखा
Electric fan
선풍기



木製ベッド (セミダブルサイズまで)

Giường gỗ (tối đa cỡ semi-double)
काठको ओच्यान (अर्ध-दबल आकार सम्म)
Kamang gawa sa kahoy (hanggang sa semi-double size)
목제 침대(세미더블 사이즈까지)



ベビーカー

Xe đẩy trẻ em
बेबी सटरोलर
Stroller
유모차



ステレオ・コンポ、オーディオ機器

Dàn âm thanh nổi và thiết bị âm thanh
स्टरोयो, कम्पोनेट र अडियो उपकरणका प्रकार
Stereo/combo, mga uri ng
kagamitan audio
스테레오 컴포넌트·오디오 기기



応接セット(パート1つで1点)

Bộ bàn ghế tiếp khách (mỗi phần tinh là 1 món)
शोफा जसता रसिप्लान सेट (प्रतिभालारु १ वस्तुको सूमा गर्नानी)
Lounge set (1 bahagi ng kagamitan, 1 item)
응접 세트(개별 파트 하나당 1개)

ホットカーペット(縛って出してください)

Thảm sưởi ấm (Vui lòng buộc lại rồi mới vứt)
तातो कारेटहरू(कृपया रोल गरे बैंध पछि बाहर हितरहरू आदी)
Heated carpet (Itali ito at ilapon.)
전기 카펫(롤어서 배출해 주십시오.)



蛍光灯

Đèn huỳnh quang / फ्लॉरेसेन्ट बत्ती

Fluorescent na ilaw / 형광등



●購入時の箱か、中の見える袋に入れてください。袋に入らないものは、束ねて出してください。割れた蛍光灯は、中の見える袋に入れて出してください。

1点ごとに「氏名」と「不用」を表示してください。

●袋が破れず持てる程度の重さまでにしてください。●鋭利な部分があるごみは紙に包み安全措置をしてください。●スプレー缶は不燃・粗大ごみでは出せません。

●Vui lòng cho vào lồng rái trước để túi rác không bị rách và có thể cầm mang đi. ●Đối với rác có bộ phận sắc nhọn, vui lòng bọc trong giấy để đảm bảo an toàn. ●Không thể vứt bình xịt vào rác không đốt được/rác công kẽnh.

●कृपया लागाएन पराने गर्ने बोतल तरिका फोहोर भएको लागाएन अपारपार राखनुपर्ने। ●तातो कारेटहरू भएको भालुका वस्तुहरूलाई सुरक्षित सारानी अपारपार राखनुपर्ने। ●सरर राखनालाई जलाउन नसकनि लाग्ने फोहोरहरूलाई सामान्य अपारपार राखनुपर्ने।

●Kutipaya किनिदाखेरोको टोकीरी वा भरिर पारदरशी झोलामा राखनुहोस। यद्यपि झोलामा लागाएन अपारपार राखनुहोस।

●Ilagay ito sa kahon noong nabili ito o sa isang bag na nakikita ang mga nilalaman. Itali at itapon ang mga bagay na hindi kasya sa bag. Itapon ang mga basag na fluorescent lamp sa isang bag na nakikita ang mga nilalaman. Pakisaad ang "Pangalan" at "不用" (Hindi Kinakailangan) para sa bawat item.

●구입 시에 들어 있던 상자나 앤이 보이는 봉투에 넣어서 배출해 주십시오. 봉투에 들어가지 않는 것은 끓어서 배출해 주십시오. 1개마다 '이름'과 '不用(불용)'을 표시해 주십시오.

●中が見える小袋等に入れて出してください。●他の不燃・粗大ごみと一緒にして込んでください。

●Vui lòng cho vào túi nhô, v.v... có thể nhìn thấy bên trong rồi mới vứt. ●Vui lòng đeo dây cung với rác không đốt được/rác công kẽnh khác.

●कृपया अन्य जलाउन नसकनि दूलो फोहोरहरूलाई मलिएर आवेदन दिनुहोस।

●Ilagay sa isang maliit na bag na makikita sa loob. ●Magsumite ng aplikasyon kasama ng iba pang hindi nasusunog na malalaking basura.

●안이 보이는 작은 봉투 등에 넣어 배출해 주십시오. ●다른 불연·대형 쓰레기와 같이 신청해 주십시오.

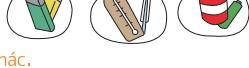
●充電式電池はリサイクル協力店にお持ちください。取り外せない場合は、市ホームページで出し方をご確認ください。

●Vui lòng mang pin sạc đến cửa hàng hợp tác tái chế. Nếu không thể tháo rời pin, hãy xem cách vứt trên trang web của thành phố.

●कृपया बरिर पारदरशी सानो झोलामा राखेको फालनुहोस। यद्यपि बरिर पारदरशी सानो झोलने तरिका चेक गर्नुहोस।

●Dalthin ang mga rechargeable na baterya sa isang recycling partner store. Kung hindi mo ito maalis sa kagamitan, paki-check ang website ng lungsod para sa mga tagubilin kung paano ito aalisin.

●충전식 건전지는 재활용 협력점으로 가지고 오시면 됩니다. 분리가 안 되는 경우는 시 홈페이지에서 배출 방법을 확인해 주십시오.



不燃・粗大ごみの申し込み方法

Cách đăng ký thu gom rác không đốt được/rác công kẽm / जलाउन नसकनि र ठूलो फोहोरको आवेदन विधि
Paraan ng pag-aapply ng pagtatapon ng hindi nasusunog/malalaking basura / 불연·대형 쓰레기 신청 방법

申し込み期限

Thời hạn đăng ký / आवेदन सीमा / Deadline ng aplikasyon / 신청 기한

◆収集日の1週前(前の週の同じ曜日)まで

Trước ngày thu gom 1 tuần (cùng ngày trong tuần trước đó) / सड़कलन मतिको एक हप्ता अगाडिसम्म (अधिल्लो हप्ताको सोही दिन)
Hanggang isang linggo bago ang petsa ng koleksyon (parehong araw ng nakaraang linggo) / 수거일 일주일 전(전주의 같은 요일)까지

申込期限を過ぎますと直近の収集日の受け付けができなくなり次回以降の収集日となりますので、お申し込みはある程度余裕をもってお願いします。

Nếu quá thời hạn đăng ký, sẽ không thể tiếp nhận yêu cầu cho ngày thu gom gần nhất mà sẽ được chuyển sang ngày thu gom từ lần tiếp theo, vì vậy vui lòng đăng ký sớm.
आवेदन सीमा सकंदिया आगामी नजकिको सड़कलन मतिको फालन नसकनि हुन्छ र अर्को सड़कलन मतिका पछिभाट फालन सकनि भएकोले सकेसम्म समय मलिएर आवेदन दिनुहोस।
Kapag lumipas na ang deadline ng aplikasyon, hindi na pwedeng tumanggap ng aplikasyon para sa papalapit na araw ng koleksyon, at ang susunod na koleksyon ng basura ay magiging sa susunod na pinakamalapit na petsa ng koleksyon o mas higit pa, kaya mag-apply nang maaga.
신청 기한이 지나면 가장 가까운 수거일 접수를 불가능하여 그 이후의 수거일에 수거하기 때문에 여유를 가지고 신청해 주시기 바랍니다.

申し込みできる量

Số lượng có thể đăng ký / आवेदन दिन सकनि मात्रा / Bilang ng basura na pwedeng i-apply / 신청 가능한 양

◆月に1回、7点以内でお願いします。

Vui lòng đăng ký 1 lần/tháng, tối đa 7 món. / महिनामा एक पटक, ७ बटा सम्म मात्र पेश गरनुहोस।
Mag-apply ng 7 item pababa, isang beses kada buwan. / 월 1회, 7개 이내로 부탁드립니다.

1点からでもお申し込みできますが、指定袋1点の場合は目安として最低20リットル程度まで溜めてからお申し込みください。

Bạn có thể đăng ký ngay cả với 1 món, nhưng nếu là 1 túi rác quy định, vui lòng để dồn rác lại khi được ft nhất khoảng 20 lít rồi hãy đăng ký.
एउटा मात्र वस्तुको लाग्ना आवेदन दिन सकेनुहोस्त, तर तोकिको झोला एउटा मात्र भएमा अनदाजी कम्सेकम २० लिटरसम्म भएपछि आवेदन दिनुहोस।

Maaari mag-apply kahit 1 item lang. Sa panahon na 1 item ng itinalagang bag lang ang ia-apply, bilang standard, punan ito ng hindi bababa sa 20 litro bago mag-apply.
1개도 신청이 가능하지만, 지정된 봉투 1개를 신청할 경우에는 최소 20L 정도까지 채워서 신청해 주십시오.

電話による申し込み

Đăng ký qua điện thoại / फोनबाट आवेदन दिन

Aplikasyon gamit ang telepono / 전화 신청

1 不燃・粗大ごみ受付センターに電話をかけてください。(日本語でお願いします)

Vui lòng gọi đến Trung tâm tiếp nhận rác không đốt được/rác công kẽm, (Vui lòng nói bằng tiếng Nhật)

कृपया जलाउन नसकनि ठुलो फोहोर रशिपसन केन्ट्रोमा कल गरनुहोस। (कृपया जापानी भाषामा बोलनुहोस।)

Tumawag sa Non-burnable Oversized Garbage Reception Center. (Mangyaring magsalita ng Japanese)

불연·대형 쓰레기 접수 센터로 전화해 주십시오. (일본어로 부탁드립니다)

 0120-532-471



2 あなたの電話番号・住所・氏名・ごみの品目・点数・出す場所などを教えてください。

Vui lòng cho biết số điện thoại, địa chỉ, họ tên, loại rác, số lượng rác và nơi vứt rác, v.v... của bạn.

कृपया हामीलाई तपाईंको फोन नम्बर, ठेगाना, नाम, फोहोरको प्रकार, फोहोरको संख्या र कहाँ फालनु हुन्छ ठाँउ लगाएका कुराहरू बताउनुहोस।

Pakisabi sa amin ang iyong numero ng telepono, address, pangalan, uri ng basura, bilang ng mga item, at lugar kung saan ito itatapon.

신청자의 전화번호·주소·이름·쓰레기 품목·개수·배출 장소 등을 알려 주십시오.

3 お申し込みの内容の再確認のうえ、収集日をご案内しますのでご確認ください。

Chúng tôi sẽ xác nhận lại nội dung đăng ký và thông báo ngày thu gom, vì vậy vui lòng xác nhận.

आवेदनको विवरणको पुन जाँच गरेपछि सड़कलन मतिको बारेमा जानकारी दिन भएकोले जाँच गरनुहोस।

Pakikumpirmang muli ang mga detalye ng iyong aplikasyon at ipapaalam namin sa iyo ang petsa ng koleksyon.

신청 내용을 재확인한 다음 수거일을 안내드리니 확인 부탁드립니다.

受付時間

Thời gian tiếp nhận

रशिपसन समय

Oras ng pagtanggap ng tawag

접수 시간

月曜日から金曜日(年末年始除く)午前9時から午後7時まで ※祝日(土・日を除く)も受付しています。

Thứ Hai đến thứ Sáu (trừ các ngày cuối năm và đầu năm) 9:00 sáng đến 7:00 tối ※Ngày lễ (trừ thứ Bảy, Chủ nhật) vẫn tiếp nhận.

सोमवार देखि शुक्रबार (नवाँ वर्षको बाटो बाहेक) बहिन १:०० बजे देखि बिनुका ७:०० बजे सम्म ※सारबजनकि बिदिहरू शनबिर र आइतबार बाहेकमा पनावेदन स्थीकार गर्दैरेख्न।

Lunes hanggang Biernes (hindi kasama ang katapusang at umpisang taon) 9:00 a.m. hanggang 7:00 p.m. ※Tumatanggap din kami ng

mga aplikasyon tuwing pista opisyal (hindi kasama ang Sabado at Linggo).

월요일부터 금요일(연말연시 제외) 오전 9시부터 오후 7시까지 ※축일(토·일요일 제외)도 접수를 받습니다.

インターネットによる申し込み

Đăng ký qua Internet / इन्टरनेट मार्फत आवेदन दिन

Aplikasyon gamit ang internet / 인터넷 신청

1 申込専用Webサイトにアクセスしてください。(日本語対応のみです)

Vui lòng truy cập trang web chuyên dụng để đăng ký. (Chỉ hỗ trợ tiếng Nhật)

आवेदन वेबसाइटमा गएर गरनुहोस। (जापानी मात्र)

Paki-access ang application website. (Naka-Japanese lang)

신청 전용 웹사이트에 접속해 주십시오. (일본어만 가능합니다)

<https://gomi.city.shizuoka.jp/>



2 画面の指示に従って入力をしてください。

Vui lòng nhập thông tin theo hướng dẫn trên màn hình. / अन-स्क्रनि नियोजित हस्ताक्षरको पालना गरेर विवरणहरू भरनुहोस।

I-type ang mga impormasyon ayon sa mga tagubilin sa screen. / 화면의 지시에 따라 입력해 주십시오.

注意事項

Mục cần chú ý

ध्यान दिनु पर्ने कुराहरू

Mga pag-iingat

주의사항

インターネットに品目がない場合は、電話で申し込みをしてください。

Nếu không tìm thấy mục cần đăng ký trên Internet, hãy đăng ký qua điện thoại.

इन्टरनेटमा सामानको नाम उपलब्ध नभएको बेलामा, कृपया फोन मार्फत आवेदन गरनुहोस।

Kung wala ang item sa nakalagay sa internet, mag-apply gamit ang telepono.

인터넷에 품목이 없는 경우는 전화로 신청해 주십시오.

びん・缶・なべ・やかん類の日用品

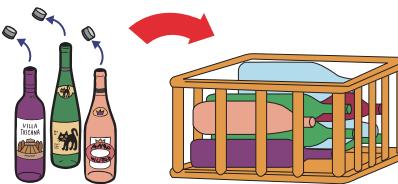
月1回

Đồ dùng hằng ngày như chai, lon, nồi, ấm đun nước / ボタル, カヤン, ボンダ, カトリーリー अन्य दैनिक आवश्यकताहरू
Pang-araw-araw na gamit tulad ng mga uri ng bote, lata, kaldero, at takure / 병·캔·냄비·주전자류 등 일용품

1 lít/tháng
महीनेमा एक प्रति
Isang beses kada buwan
월 1회

びん

必ずキャップは外してください。
Vui lòng đâm bảo tháo nắp ra.
अवश्य वरिको नकालनुहोस्।
Tanggaling ang takip.
반드시 뚜껑을 제거해 주십시오.



黄色のコンテナへ
Cho vào thùng đựng màu vàng
पहले कन्टेनरमा
Sa dilaw na lalagyan
노란색 컨테이너박스

横にねかせてください。
Hãy đặt nắp ngang.
यसलाई यता तरि सुताउनुहोस्।
Ilagay ng patihaya.
옆으로 눌혀 주십시오.

●外れにくいキャップは取り外さなくとも構いません。●プラスチック製のキャップは燃えるごみの日に、金属製のキャップは缶を入れる袋に入れて出してください。●中を簡単に水洗いして出してください。

●Những nắp khòi khó tháo thì không cần phải tháo. ●Vui lòng vứt nắp nhựa vào ngày thu gom rác đốt được, còn nắp kim loại thì cho vào túi đựng lon rồi mới vứt. ●Vui lòng rửa sơ bén trong với nước rồi mới vứt. ●Vui lòng vứt chai vỡ, chai mĩ phẩm, thủy tinh chịu nhiệt và bình sữa trẻ em vào rác không đốt được/rác công kénh.

●नकालन गाहरा भएक वरिकोहरू नमाकिले पम्फेहिपक परदेता। ●प्लास्टिकिट बनेका वरिकोहरूलाई जलाउन मलिने फोहोर फालने दरमाना, धारुको वरिकोहरूलाई क्यान राखेको झोलामा राखेर फालनुहोस्।

●भत्तिर पानीले पखालेर फालनुहोस्। ●फुटेका बोतलहरू कस्मेटिकिका बोतलहरू, ताप प्रतिरिधी गलिसां र बच्चाका बोतलहरूलाई जलाउन नसकनि रूपो फोहोरको रूपमा फालनुहोस्।

●Hindi kailangang tanggaling ang takip na mahirap tanggaling. ●Ang mga plastik na takip ay dapat itapon bilang nasusunog na basura, at ang mga takip ng metal ay dapat itapon sa isang bag para sa lata. ●Hugasan lamang ng tubig ang loob at itapon. ●Itapon ang mga basag na bote, mga kosmetikong bote, mga baso o garapon na heat-resistant, at mga bote ng sanggol bilang malalaking basura.

●제거하기 어려운 뚜껑은 그대로 두어도 괜찮습니다. ●플라스틱 뚜껑은 가연 쓰레기 버리는 날에, 금속 뚜껑은 캔을 넣는 봉투에 모아서 배출해 주십시오. ●안을 간단히 헹궈서 배출해 주십시오.

●깨진 병, 화장품 병, 내열 유리, 젖병은 불연·대형 쓰레기로 배출해 주십시오.

缶

Lon / カヤン / Lata / 캔

●中を簡単に水洗いして出してください。●静岡市指定・認定ごみ袋に入れて出してください。

●Vui lòng rửa sơ bén trong với nước rồi mới vứt. ●Vui lòng cho vào túi rác được thành phố Shizuoka chỉ định/chứng nhận rồi mới vứt.

●भत्तिर पानीले पखालेर फालनुहोस्। ●शजिओका नगरबाट तोकिएर प्रमाणित फोहोरको झोलामा राखेर फालनुहोस्।

●Hugasan lamang ng tubig ang loob at itapon. ●Ilagay at itapon ang basura sa itinalagang bag ng basura ng lungsod ng Shizuoka.

●안을 간단히 헹궈서 배출해 주십시오. ●시즈오카시 지정·인정 쓰레기봉투에 넣어 배출해 주십시오.



スプレー缶

Bình xịt / สเปรย์ ก्यानहरू / Lata ng spray / 스프레이 캔

●必ず中身を使い切ってください。●穴を開けずに、中の見える袋に入れ、袋に「スプレー缶」と表示して出してください。●他の缶と混ぜないでください。

●Vui lòng đâm bảo sử dụng hết bên trong. ●Vui lòng không đục lỗ, cho vào túi có thể nhìn thấy bên trong và ghi rõ "スプレー缶(Bình xịt)" lên túi.

●Vui lòng không đẽi lỗn với các lon khác.

●निश्चिति सूपमा भत्तिरका सबै प्रयोग गरनुहोस्। ●कुनै पवाल नपारी पारदर्शी झोलामा राखेर झोलामा "スプレー缶" (스페레 캔) लेखेको देखनि गरफालनुहोस्।

●अन्य क्यानहरूसँग नमसाउनुहोस्।

●Siguraduhing gamitin ang lahat ng nilalaman. ●Ilagay ito sa isang bag na nakikita ang laman nang hindi gumagawa ng anumang mga butas, at markahan at itapon ang bag bilang "スプレー缶" (Lata ng Spray). ●Huweg ihalo sa ibang mga lata.

●반드시 내용물을 다 사용하여 주십시오. ●구멍을 뚫지 말고 안이 보이는 봉투에 넣어 봉투에 '스プレー缶(스프레이 캔)'이라고 표시한 다음 배출해 주십시오.

●다른 캔과 섞이지 않게 해 주십시오.



穴開け不要

なべ・やかん類の日用品

Đồ dùng hằng ngày các loại như nồi, ấm đun nước / भाँडा र कटिली लगाएत अन्य घरायसी सामानहरू

Pang-araw-araw na kagamitan tulad ng mga kaldero at takure / 냄비·주전자류 등 일용품

●小物の金属製の日用品(電化製品を除く)で、静岡市指定袋・認定袋に入る大きさのものは、資源回収で出すことができます。

●Những đồ dùng hằng ngày nhỏ bằng kim loại (ngoại trừ sản phẩm điện tử) có kích thước vừa với túi quy định/túi được công nhận của thành phố Shizuoka, có thể được vứt theo diện thu hồi rác tài nguyên.

●शजिओका नगरले तोकिएर प्रमाणित झोलाहरूको आकारमा फिट हुने साना धारुका घरायसी सामानहरू (वटियुतीय उपकरणहरू बाहेक) पुनः प्रयोग गरन मलिने वस्तुहरूको सूपमा सङ्कलन गरन सक्निछ।

●Ang mga maliliit na bagay na gawa sa metal na pang-araw-araw na kagamitan (hindi kasama ang mga electrical appliances) na maaaring magkasya sa itinalagang bag ng basura ng lungsod ng Shizuoka ay maaaring itapon at kolektahin bilang mga recyclable.

●작은 금속제 일용품(전기제품 제외) 가운데 시즈오카시 지정·인정 봉투에 들어가는 크기는 재활용 수거로 배출할 수 있습니다.

やかん

Ám đun nước
カトリーリー
Takure
주전자



なべ

Nồi
भाँडो
Palayok
냄비



ボウル

Tô
कचौरा
Mangkok
그릇



オタマ

Vá múc canh
पन्यु
Sandok
국자



静岡市指定・認定ごみ袋に入れて出す！

Cho vào túi rác được chỉ định chứng nhận của thành phố Shizuoka rồi vứt!

शजिओका नगरबाट तोकिएर प्रमाणित फोहोरको झोलामा राखेर बाहेक!

Ilagay at itapon itinalagang bag ng basura ng lungsod ng Shizuoka!

시즈오카시 지정·인정 쓰레기봉투에 넣어서 배출한다!



資源回収に出せないもの

Vật dụng không thể vứt theo diện thu hồi rác tài nguyên / पुनः प्रयोग गरन मलिने सामानमा फालन नसकनि वस्तुहरू

Mga item na hindi pwedeng itapon o kolektahin bilang recyclable / 재활용 수거가 불가능한 품목

化粧品のびん

Chai mỹ phẩm
कस्मेटिक बोतलहरू
Bote ng kosmetiko
화장품 병



割れたびん

Chai vỡ
फुटेका बोतल
Basag na bote
깨진 병



刃物類

Các vật sắc nhọn
कटलरी
Kubiertos
날붙이류



不燃・粗大ごみで出してください。

Vui lòng vứt theo phân loại rác không đốt được/rác công kénh.

जलाउन नसकनि रूपो फोहोरको रूपमा फालनुहोस्।

Itapon ito bilang hindi nasusunog na malalaking basura.

불연·대형 쓰레기로 배출해 주십시오.

瀬戸物類

Đồ gốm sứ
माटोको भाँडाका प्रकार
Chinaware
도자기류



蛍光灯・電球

Đèn huỳnh quang, bóng đèn tròn
फलोरोसेन्ट बत्ती (अन्य) बत्तीहरू
Fluorescent na ilaw / bombilyang ilaw
형광등·천구



家電4品目の処理について

Về việc xử lý 4 mặt hàng đồ điện gia dụng / ચાર પ્રકારા ઘરયાસી ઉપકરણહરૂનો ડસ્પોજેજ / Pagtatapon ng apat na uri ng elektronikong appliances sa bayah / 가전 4품목 처리

- テレビ、洗濯機、衣類乾燥機、冷蔵庫、冷凍庫、エアコンは収集も持ち込みもできません。その家電製品を買ったお店が、最寄りの家電小売店にご相談ください。
- Tivi, máy giặt, máy sấy quần áo, tủ lạnh, tủ đông, điều hòa không thể thu gom hoặc mang đến trạm xử lý rác. Vui lòng trao đổi với cửa hàng nơi bạn mua sản phẩm điện gia dụng đó hoặc nhà bán lẻ đó để了解更多。
- テレビジョン、冷蔵庫、洗濯機、衣類乾燥機、エアコンは収集も持ち込みもできません。その家電製品を買ったお店が、最寄りの家電小売店にご相談ください。
- Hindi maaaring kolektahan o dalhin ang mga telebisyon, washing machine, dryer ng damit, refrigerator, freezer, at air conditioner. Makipag-ugnayan sa tindahan kung saan mo binili ang appliance sa bayah o ang pinakamalapit na retailer ng electroniog appliances sa bayah.
- TV, 세탁기, 의류건조기, 냉장고, 냉동고, 에어컨은 수거도, 직접 가지고 오는 것도 불가능합니다. 해당 가전제품은 구입한 가게나 가장 가까운 가전제품 판매점에 문의하시기 바랍니다.

テレビ	洗濯機・衣類乾燥機	冷蔵庫・冷凍庫	エアコン
Tivi (CRT, LCD, Plasma, OLED) テレビジョン(セミアード、フルセードル、ペラジマ、オーランド)	Máy giặt Tủ lạnh Tủ đông	Máy sấy quần áo Tủ lạnh Tủ đông	Máy điều hòa エアコン

パソコンの処理について

Về xử lý máy tính / કમ્પ્યુટર ડસ્પોજેજ કો બારેમા / Pagtatapon ng personal computer / 컴퓨터 처리

- 処理するときは、購入したメーカーに申し込んでください。申し込み先は、各社のホームページなどでご確認ください。●パソコンは「小型家電リサイクル」に出すこともできます。
- Để xử lý, vui lòng đăng ký với nhà sản xuất mà bạn đã mua sản phẩm. Vui lòng xem trên trang web, v.v... của từng công ty để biết về nơi đăng ký.
- Máy tính cũng có thể được vứt theo diện "Tái chế đồ điện gia dụng cỡ nhỏ".
- ડસ્પોજ ગરસે બેલામા ખરાડી ગરનુભાગો ક્રમપ્તીમાં સમીક્ષા ગરનુહોસાં આવેદનકા લાગાકૃપાય પ્રત્યેક ક્રમપ્તીકો વેબસાઇટ હેરનુહોસાં। ●કમ્પ્યુટરહરૂનાઈ "સાના ઘરેલું ઉપકરણહરૂનો રસિએક્લાઈ" કો રૂપમાનની પરિયોગ ગરનુસ્થાનિછું।
- Sa oras ng pagtatapon, mag-apply ng disposal sa manufacturer kung saan binili. Pakitingnan ang website ng bawat kumpanya para sa mga detalye kung saan dapat mag-apply.
- Maaari ding ipadala ang mga personal computer sa mga "Small Home Appliance Recycling".
- 처리할 때는 구입한 브랜드에 신청해 주십시오. 접수처는 회사 홈페이지 등에서 확인 부탁드립니다. ●컴퓨터는 '소형가전 재활용'으로 배출할 수도 있습니다.

対象となる機器	デスクトップパソコン	ノートパソコン	液晶&ブラウン管式ディスプレイ
●Thiết bị thuộc đối tượng ●Làm gì để thu hồi ●Target na gagamitan ●대상 기기	Máy tính để bàn Desktop computer デスク톱 컴퓨터	Máy tính xách tay Laptop computer 노트북	Màn hình LCD & CRT LCD at CRT na display 액정&브라운관식 디스플레이

- このマークがついた製品は新たな料金負担なしでメーカーが回収・再資源化します。マークがついていない製品は回収再資源化料金を各自、負担していただきます。
- Sản phẩm có dấu này sẽ được nhà sản xuất thu hồi và tái chế mà không phải chịu thêm phí. Đối với sản phẩm không có dấu này, bạn sẽ phải chịu phí thu hồi và tái chế.
 - या चनिह भएका उत्पादीत नरमातद्वारा कुनै अतिरिक्त शुलक नल्ली सङ्कलन र पुऱः परियोग गरनुन्छ। या चनिह नमणका उत्पादनहरूको लाग, सङ्कलन र रसिएક्लाई शुलक लाग्ने छ।
 - Ang mga produktoong may ganitong marka ay kolektahan at ire-recycle ng manufacturer walang karagdagang singil. Para sa mga produktoong walang marka, ikaw ang sagatog sa pagbababayad ng bayarin sa pagkolekta at pagre-recycle ng basura.
 - 이 마크가 붙은 제품은 추가 요금 부담 없이 브랜드가 수거·재활용합니다. 마크가 없는 제품은 수거·재활용 요금을 각자 부담해야 합니다.

小型家電リサイクル

Tái chế đồ điện gia dụng cỡ nhỏ / સાના ઘરેલું ઉપકરણ રસિએક્લાઈ / Pagre-recycle ng maliliit na elektronikong appliance sa bayah / 소형가전 재활용

- 回収品目：電気や電池で動く特定の家電製品（家電4品目は除く）。
- Danh mục thu hồi: Sản phẩm điện gia dụng được chỉ định hoạt động bằng điện hoặc pin (trừ 4 loại đồ điện gia dụng).
- 冷蔵庫等の電池式家電製品: クリーナーなどの電池式家電製品を回収する専用のボックスへ投げてください。
- Mga item na kokolektahan: Mga partikular na elektronikong appliances sa bayah na tumatakbo gamit ang kuryente o mga baterya (Hindi kasama ang 4 na appliances sa bayah).
- 수거 품목: 전기나 전지로 작동하는 특정 가전제품(가전 4품목 제외)

携帯電話	ゲーム機	パソコン(ノート・デスクトップ)	音響機器	デジタルカメラ
Điện thoại di động Máy điện thoại Mobile phone 휴대전화	Máy chơi game Khेलका मेशनिहरू Game console 게임기	Máy tính (xách tay, để bàn) كمپьюટર (નોટબુક ર ડેસ્કટૉપ) Personal computer (laptop/desktop) 컴퓨터(노트북·데스크톱)	Thiết bị âm thanh અડિયો ઉપકરણ Audio equipment 음향기기	Máy ảnh kỹ thuật số ડિજિટલ ક્યામેરા Digital camera 디지털카메라

- 区役所などに設置している専用の回収ボックスへ投入してください(15cm×26cmの大きさまで)。
- Vui lòng cho vào thùng thu hồi chuyên dụng đặt tại trụ sở hành chính quận, v.v... (kích thước tối đa là 15cm x 26cm).
 - Kết hợp với việc thu gom rác thải tại nhà dân cư, v.v... (kích thước tối đa là 15cm x 26cm).
 - Mangyaring dalhin ito nang direktang collection box na naka-install sa mga tanggapan ng ward, atbp. (Hanggang sa 15cm x 26cm ang laki).
 - 시청 등에 설치된 전용 수거 박스에 넣어 주십시오(15cm×26cm 크기까지).
 - 市の清掃工場へ直接持ち込んでください(大きさの制限なし)。
 - Vui lòng mang trực tiếp đến nhà máy xử lý rác thải của thành phố. (Không giới hạn kích thước) ●कृपया सभी शहरों को फोहोर व्यवस्थापन पलानटमा लैजनुहोस। (आकारों कुनै प्रतिबिधि छैन)
 - Mangyaring dalhin ito nang direktang incineration plant ng lungsod (Walang limitasyon sa laki). ●시의 쓰레기 처리 시설로 직접 가져와 주십시오.(크기 제한 없음)
 - 回収品目の詳細、回収ボックスや清掃工場の場所は、市ホームページまたはアプリでご確認ください。
 - Để biết chi tiết về danh mục thu hồi và vị trí của các thùng thu gom và nhà máy xử lý rác, vui lòng xem trên trang web hoặc ứng dụng của thành phố.
 - 冷蔵庫等の電池式家電製品: クリーナーなどの電池式家電製品を回収する専用のボックスへ投げてください。
 - Paki-check ang website o app ng lungsod para sa mga detalye sa mga kinokolektang item, at lokasyon ng mga collection box at mga incineration plant.
 - 수거 품목에 대한 자세한 안내, 수거 박스와 쓰레기 처리 시설의 위치는 시 홈페이지 또는 앱에서 확인해 주십시오.

バイクの処理について

Về việc xử lý xe máy / મોટરસાઇકલ ડસ્પોજેજ કો બારેમા / Pagtatapon ng motorsiklo / 오토바이 처리

- 市では収集も持ち込みもできません。処理するときは、二輪車リサイクルセンター(050-3000-0727)へお問合せください。
- Trong thành phố, không thể thu gom hoặc mang đến để xử lý. Khi xử lý, vui lòng liên hệ với Trung tâm cuộc gọi tái chế xe hai bánh (050-3000-0727).
- نagarle से संग्रह नहीं कर सकते। एफ़ोનो मोटरसाइકल डસ્પોજેજ ગરદા, કृપા મોટરસાઇકલ રસિએક્લાઈ કલ સેન્ટર (૦૫૦-૩૦૦૦-૦૭૨૭) મા સમપરક ગરનુહોસ।
- Hindi maaaring kolektahan o dalhin sa lungsod ang mga motorsiklo. Para sa pagtatapon, makipag-ugnayan sa Motorcycle Recycling Call Center (050-3000-0727).
- 시에서는 수거도, 직접 가지고 오는 것도 불가합니다. 처리는 이륜차 리사이클 센터(050-3000-0727)로 문의 부탁드립니다.

收集日程表

Bảng lịch trình thu gom सङ्कलन तालिका Iskedyul ng koleksyon 수거 일정표

あなたの地域の収集日は、下記のとおりです。(日本語のわかる方に日本語版をみて記入してもらうようお願いします。)

Ngày thu gom tại khu vực của bạn như sau. (Vui lòng nhớ người biết tiếng Nhật xem bản tiếng Nhật và điền thông tin.)
तपाईंको कषेत्रको लाग्सिंकलन दनिहरू नमिनानुसार छन्: (कृपया जापानी भाषा बुझने व्यक्तिलाई जापानी संस्करण हेरेर फारम भर्न लगाउनुहोस।)

Ang mga araw ng koleksyon para sa iyong lugar ay ang mga sumusunod. (Mag-request sa isang taong nakakaintindi ng Japanese na tingnan ang Japanese version at punan ang form.)

당신의 거주 지역의 수거일은 다음과 같습니다. (일본어를 아는 사람에게 일본어판을 보고 기입을 부탁하기 바랍니다)

可燃ごみ

週2回

Rác đốt được / जलाउन मलिने फोहोर / Nasusunog na basura / 가연 쓰레기

月 Hai सोम Lunes 월	火 Ba मँगल Martes 화	水 Tứ बृद्धि Miyerkules 수	木 Nǎm बढी Huwebes 목	金 Sáu शुक्र Biernes 금	土 Bảy शनवार Sabado 토

※あなたの可燃ごみの収集日は、○印のついた日です。

※Ngày thu gom rác đốt được của bạn là ngày được đánh dấu ○. ※तपाईंको जलाउन मलिने फोहोर संकलन ग्रने दिन ○ अंकति दिन हो।

※Ang araw ng koleksyon ng iyong nasusunog na basura ay ang araw na minarkahan ng ○. ※가연 쓰레기 수거일은 ○가 표시된 날입니다.

不燃・粗大ごみ

月1回

Rác không đốt được/rác công kinh / जलाउन नसकनि र ठूलो फोहोर
Hindi nasusunog/malalaking basura / 불연·대형 쓰레기

月 Tháng महानी Buwan 월	4月 Tháng 4 अप्रैल Abril 4월	5月 Tháng 5 मे Mayo 5월	6月 Tháng 6 जून Junyo 6월	7月 Tháng 7 जुलाई Hulyo 7월	8月 Tháng 8 आगस्ट Agosto 8월	9月 Tháng 9 सेप्टेम्बर Setyembre 9월	10月 Tháng 10 अक्टोबर Oktubre 10월	11月 Tháng 11 नोभेम्बर Nobyembre 11월	12月 Tháng 12 डिसेम्बर Disyembre 12월	1月 Tháng 1 जनवरी Enero 1월	2月 Tháng 2 फेब्रुअरी Pebrero 2월	3月 Tháng 3 मार्च Marso 3월
日 Ngày दिन araw 일												

びん・缶

月1回

Chai lọ, lon / बोतल र क्यानहरू / Bote/Lata / 병·캔

月 Tháng महानी Buwan 월	4月 Tháng 4 अप्रैल Abril 4월	5月 Tháng 5 मे Mayo 5월	6月 Tháng 6 जून Junyo 6월	7月 Tháng 7 जुलाई Hulyo 7월	8月 Tháng 8 आगस्ट Agosto 8월	9月 Tháng 9 सेप्टेम्बर Setyembre 9월	10月 Tháng 10 अक्टोबर Oktubre 10월	11月 Tháng 11 नोभेम्बर Nobyembre 11월	12月 Tháng 12 डिसेम्बर Disyembre 12월	1月 Tháng 1 जनवरी Enero 1월	2月 Tháng 2 फेब्रुअरी Pebrero 2월	3月 Tháng 3 मार्च Marso 3월
日 Ngày दिन araw 일												

缶などを独自に回収しているスーパー・マーケット等があります。ご利用の際は、各店舗の出し方に従って出してください。

Một số siêu thị, v.v... có tự cung cấp dịch vụ thu hồi lon, v.v... Khi sử dụng, vui lòng vứt theo hướng dẫn của từng cửa hàng.

आफैले क्यान र अन्य वस्तुहरू सङ्कलन गर्ने सुपरमार्केट र अन्य व्यवसायहरू पनी सँचालति छन्। प्रयोग गर्ने बेलामा कृपया प्रत्येक पसलको नरिदेशनहरू अनुसार फालनुहोस।

Ang ilang mga supermarket ay nangongolekta ng mga lata at iba pang mga bagay. Kapag ginamit ang produkto, itapon ito ayon sa mga tagubiling ibinigay sa bawat tindahan.

캔 등을 독자적으로 수거하는 슈퍼마켓 등이 있습니다. 이용할 때는 각 점포의 배출 방법에 따라 주시기 바랍니다.



令和7年3月作成